

# NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

## RESEARCH FACTORS AFFECTING STUDENT SCIENCE RESEARCH ACTIVITIES AT UNIVERSITY OF ECONOMICS - TECHNOLOGY FOR INDUSTRIES

Lê Thị Bình

*Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp*

Đến Tòa soạn ngày 30/03/2021, chấp nhận đăng ngày 06/05/2021

**Tóm tắt:** Nghiên cứu khoa học của sinh viên trong trường đại học là một hoạt động trí tuệ giúp sinh viên vận dụng phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học trong học tập vào trong thực tiễn, trong đó sinh viên vận dụng một cách tổng hợp những tri thức đã học để tiến hành hoạt động nhận thức có tính chất nghiên cứu, bước đầu góp phần giải quyết những vấn đề khoa học do thực tiễn cuộc sống và nghề nghiệp đặt ra để từ đó có thể đào sâu, mở rộng và hoàn thiện vốn hiểu biết của mình. Bài báo nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (ĐHKTKTCN), phân tích đánh giá mức độ tác động của các nhân tố, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học sinh viên tại Trường ĐHKTKTCN.

**Từ khóa:** Nghiên cứu khoa học, sinh viên, ĐHKTKTCN.

**Abstract:** Scientific research of students in the University is an intellectual activity that helps students apply scientific research methodology and methods. Learning in learning into practice, in which students initially apply one how to synthesize the knowledge learned to conduct qualitative cognitive activities research, initially contribute to solving practical scientific problems life and career set out from which to deepen, expand and perfect understanding know by yourself. The article studies the factors that affect students' scientific research activities at the University of Economics – Technology for Industries (UNETI), analyzing and evaluating the impact of factors, thereby offering some solutions to improve the quality of scientific research for students at the University of Economics - Technology for Industries.

**Keywords:** Scientific research, students, University of Economics - Technology for Industries.

### 1. GIỚI THIỆU

Trong các trường đại học, yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục đại học chính là lòng say mê học hỏi, năng lực sáng tạo, năng lực tự nghiên cứu của sinh viên. Mục đích giáo dục đại học là đào tạo ra những sinh viên có tri thức, biết sử dụng và làm chủ

được những thành tựu của khoa học công nghệ hiện đại đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội. Thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) nhằm phát huy năng lực trí tuệ vốn có của mỗi người, hình thành kỹ năng mềm, phương pháp nghiên cứu khoa học cho người học và giúp người học có được thói

quen làm việc độc lập để củng cố chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao trình độ và sáng tạo những giá trị mới cho xã hội.

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp luôn coi công tác nghiên cứu khoa học của giáo viên và sinh viên là cơ sở để nâng cao chất lượng giáo dục. Nhà trường quyết tâm không để hoạt động nghiên cứu khoa học dậm chân tại chỗ mà phải ngày càng phát triển cả về chất và lượng. Chiến lược phát triển khoa học công nghệ được thể hiện trong chiến lược phát triển của Nhà trường. Trong đó, Nhà trường tăng cường hoạt động khoa học công nghệ (KH-CN) của sinh viên (SV); gắn kết các đề tài luận văn với đề tài NCKH của GV. Chiến lược phát triển có đề cập đến trong giai đoạn 2016 đến 2020 có 200 đề tài NCKH của SV; giai đoạn 2020-2030 là 500 đề tài.

Nghiên cứu khoa học của sinh viên là hoạt động nhận được nhiều sự quan tâm của các trường đại học và cao đẳng. Tuy nhiên, để thu hút sinh viên tham gia nghiên cứu là điều không dễ dàng. Bài báo đề xuất một số nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. Nghiên cứu của tác giả có hai mục tiêu chính: (1) Điều tra hiện trạng nghiên cứu khoa học sinh viên tại Trường ĐHKTKTCN và (2) kiểm tra các nhân tố ảnh hưởng đến nghiên cứu khoa học sinh viên tại Trường ĐHKTKTCN. Từ đó, đề xuất các kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học sinh viên tại Trường ĐHKTKTCN.

## 2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Theo Salgueira cùng cộng sự (2012), sự tham gia NCKH của sinh viên bị tác động bởi đặc điểm cá nhân và điểm trung bình học của sinh viên. Đối với đặc điểm cá nhân thì giới tính, tính tình chẳng hạn như tính cởi mở, tính

hướng ngoại, sự tận tâm có ảnh hưởng nhiều đối với quyết định tham gia nghiên cứu của sinh viên. Bên cạnh đó, theo Salgueira cùng cộng sự thì, những sinh viên có điểm trung bình học càng cao thì khả năng tham gia nghiên cứu càng nhiều. Khám phá này của các tác giả là nền tảng lý luận cho nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia NCKH của sinh viên sau này. Đặc điểm cá nhân còn được đề cập trong nghiên cứu của Harsh, Maltese và Tai (2012). Theo các tác giả, có sự chênh lệch trong giới tính của sinh viên khi tham gia NCKH. Nguyên nhân của sự chênh lệch này là do hiệu quả cá nhân (self-efficacy), đam mê (interest), thực hành nghiên cứu đích thực (the practice of authentic research) của nam và nữ là khác nhau. Khi thực hiện tổng quan các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia NCKH của sinh viên. Sadler và McKinney (2010) tổng kết rằng nguyện vọng nghề nghiệp (career aspirations), sự tự tin (confidence), bản chất của khoa học (nature of science), phát triển trí tuệ (intellectual development), kiến thức (content knowledge), kỹ năng (skills), và kinh nghiệm nghiên cứu đích thực (authentic research experiences) quyết định sự tham gia nghiên cứu của sinh viên. Những nhân tố này trước đây cũng đã từng được đề cập trong những nghiên cứu của Huss, Randall, Patry, Davis, & Hansen (2002) và Kierniesky (2005). Nhận thức được tầm quan trọng của NCKH trong hoạt động giảng dạy và học tập, Winkelmann cùng cộng sự (2014) đã đề xuất thiết kế lại chương trình học nhằm thu hút hơn nữa sinh viên NCKH. Theo các tác giả, để thu hút sinh viên NCKH thì chương trình học cần tập trung vào nâng cao thái độ, hiệu quả cá nhân và kỹ năng của sinh viên. Bên cạnh đó, trường học cần tạo môi trường thực hành nghiên cứu đích thực để

đem lại sự tự tin cho sinh viên trong thực hiện nghiên cứu.

Các thành tựu của nghiên cứu khoa học đã được ứng dụng vào nhiều lĩnh vực của cuộc sống. Vấn đề nghiên cứu khoa học là một hoạt động trọng tâm của sinh viên ở các trường đại học, cao đẳng. Cùng với quá trình hội nhập kinh tế thế giới, hội nhập về giáo dục và đào tạo, xây dựng và phát triển phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên là một yêu cầu bức thiết nâng cao chất lượng đào tạo và giáo dục, nâng cao tính tự chủ sáng tạo và năng động, một tố chất rất cần thiết nhưng lại rất hạn chế trong trình độ sinh viên Việt Nam hiện nay. Trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học đã có một số tác giả nghiên cứu như:

Giáo sư Nguyễn Văn Tuấn, hiện công tác tại Viện Nghiên cứu Y khoa Garvan - Úc, đã viết nhiều bài đăng trên các tờ báo trong nước như: Thời báo Kinh tế Sài Gòn, Tuổi Trẻ, Thanh Niên... nói về chất lượng nghiên cứu khoa học hiện nay, với một số bài như: “Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục”; “Chất lượng nghiên cứu khoa học ở Việt Nam qua chỉ số trích dẫn”... trên cơ sở cung cấp các kiến thức cũng như những kinh nghiệm làm nghiên cứu khoa học trong nhiều năm của tác giả. Ngoài ra, tác giả Vũ Cao Đàm cũng đã có nhiều nghiên cứu về phương pháp luận nghiên cứu khoa học và tác giả Trần Khánh Đức với đề tài “Nghiên cứu khoa học gắn với đào tạo trong hệ thống sư phạm kỹ thuật”. Trong những nghiên cứu này, các tác giả đã nghiên cứu về hoạt động nghiên cứu khoa học, cách xác định đề tài nghiên cứu, về phương pháp nghiên cứu khoa học, vấn đề đạo đức khoa học, văn hóa khoa học... Từ đó giúp tác giả sẽ có cái nhìn khái quát hơn về hoạt động nghiên cứu khoa học, làm cơ sở tiền đề cho tác giả nghiên cứu về hoạt động

nghiên cứu khoa học của sinh viên, xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. Còn theo nghiên cứu của Kim Ngọc và Hoàng Nguyên về các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động NCKH của sinh viên tại đại học Duy Tân năm 2015 (Kim Ngọc & Hoàng Nguyên, 2015), có 04 nhân tố tác động đến việc sinh viên tham gia vào hoạt động NCKH, bao gồm: Khả năng và định hướng nghiên cứu của sinh viên, môi trường nghiên cứu, sự quan tâm của khoa và sự quan tâm và khuyến khích của trường.

### **3. THU THẬP DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập trong khoảng thời gian từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2021, dữ liệu nghiên cứu được thu thập bằng phương pháp khảo sát. Phiếu khảo sát được xây dựng trên cơ sở thang đo Likert 5 (1 = hoàn toàn không đồng ý đến 5 = hoàn toàn đồng ý). Trước khi khảo sát chính thức, tác giả đề tài thực hiện khảo sát thử với các chuyên gia để qua đó kiểm tra sự chính xác về nội dung, sự phù hợp về từ ngữ và trình tự các câu hỏi. Sau khi thực hiện khảo sát thử, tác giả điều chỉnh các câu hỏi và phiếu khảo sát. Quá trình khảo sát chính thức được tiến hành với đối tượng là sinh viên Trường ĐHKTKTCN.

Dữ liệu thu về được làm sạch, mã hoá và nhập vào phần mềm SPSS phiên bản 26. Tác giả thực hiện phân tích dữ liệu với các kỹ thuật thống kê mô tả, phân tích hồi quy được thao tác trên phần mềm SPSS 26. Qua đó, tác giả xác định được nhân tố 5 nhân tố đó là: năng lực của sinh viên, môi trường nghiên cứu, sự quan tâm khuyến khích của nhà trường, giáo viên hướng dẫn, động cơ nghiên cứu ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu khoa học

sinh viên tại Trường ĐHKTKTCN.

*Mô hình nghiên cứu*

$$NC = b_0 + b_1NL + b_2MT + b_3QT + b_4GV + b_5ĐC + e_i$$

Trong đó:

NC - sự tham gia nghiên cứu khoa học sinh viên;

NL - năng lực của sinh viên;

MT - môi trường nghiên cứu;

KK - sự khuyến khích của nhà trường;

GV - giáo viên hướng dẫn;

ĐC - động cơ nghiên cứu.

#### 4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

##### 4.1. Thống kê mẫu

**Bảng 1. Thống kê mẫu**

STT	Thông tin mẫu	Tần suất	(%)
1	<i>Giới tính</i>		
	Nam	847	39,7
	Nữ	1.265	60,3
	Tổng	2.132	100
2	<i>Sinh viên đang theo học</i>		
	Năm thứ 2	577	27,1
	Năm thứ 3	697	32,7
	Năm thứ 4	858	40,2
	Tổng	2.132	100
3	<i>Chuyên ngành sinh viên đang theo học</i>		
	Khối ngành kinh tế	1.158	54,3
	Khối ngành kỹ thuật	974	45,7
	Tổng	2.132	100

Để thực hiện nghiên cứu này thì tác giả tiến hành khảo sát trực tiếp tại Trường ĐHKTKTCN công cụ google doc. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập thông qua khảo sát quan điểm của sinh viên Trường ĐHKTKTCN.

Phiếu khảo sát được thiết kế để đánh giá các tiêu chí theo thang đo Likert từ 1 đến 5 (từ Hoàn toàn không đồng ý đến Hoàn toàn đồng ý). Số phiếu khảo sát được tác giả nhận về là 2.132 phiếu. Tuy nhiên, với số quan sát đủ điều kiện được chọn để tiến hành phân tích và kiểm định là  $n = 2.132$  theo Hair và cộng sự (1998) thì đáp ứng số mẫu tối thiểu để phân tích nhân tố khám phá EFA và cũng vượt qua số mẫu tối thiểu để phân tích hồi quy đa biến. Trong khi thiết kế bảng câu hỏi, ngoài phần thông tin chính là những câu hỏi được yêu cầu bắt buộc trả lời, phần thông tin chung cũng có một số câu hỏi được yêu cầu bắt buộc. Trong các bảng tổng hợp trình bày dưới đây những phần trả lời yêu cầu bắt buộc được đánh dấu (\*) có nghĩa là sẽ có đủ 2.132 kết quả trả lời tương ứng với 2.132 mẫu. Các biến được sử dụng trong phân tích đặc điểm mẫu bao gồm: giới tính, năm sinh viên, khối ngành mà sinh viên theo học.

##### 4.2. Kết quả kiểm định thang đo

Sau khi đánh giá độ tin cậy thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha 6 thang đo, kết quả tổng hợp như sau:

**Bảng 2. Tổng hợp hệ số Cronbach's Alpha cho 6 thang đo**

STT	Thang đo	Số biến quan sát	Hệ số Cronbach's Alpha
1	Năng lực của sinh viên	4	0,796
2	Môi trường nghiên cứu	5	0,798
3	Sự quan tâm khuyến khích của nhà trường	4	0,824
4	Sự hỗ trợ của giảng viên	5	0,792
5	Động cơ nghiên cứu	4	0,779

STT	Thang đo	Số biến quan sát	Hệ số Cronbach's Alpha
6	Sự tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên	4	0,796

Các thang đo này đều có hệ số Cronbach's Alpha >0,6 nên phù hợp. Các biến quan sát trong các nhân tố đều có hệ số tương quan biến tổng phù hợp. Vậy cả 6 thang đo đều chấp nhận được và thích hợp đưa vào phân tích những bước tiếp theo.

#### 4.3. Phân tích nhân tố khám phá và kết quả hồi quy

Sau khi thực hiện kỹ thuật EFA, 22 biến quan sát đã hội tụ thành 5 nhóm và hình thành nên 5 nhân tố như trong bảng 3.

**Bảng 3. Ma trận nhân tố xoay các biến độc lập**

Biến quan sát	Component				
	1	2	3	4	5
KK3	.787				
KK5	.753				
KK2	.727				
KK4	.686				
KK1	.525				
MT2		.781			
MT3		.760			
MT1		.713			
MT4		.70			
MT5		.682			
NL1			.770		
NL3			.760		
NL5			.682		
N4			.645		
GV3				.712	
GV4				.703	

Biến quan sát	Component				
	1	2	3	4	5
GV1				.710	
GV2				.687	
GV5				.676	
ĐC1					.681
ĐC3					.657
ĐC2					.649
ĐC4					.602

Kiểm định KMO và Bartlett trong phân tích nhân tố cho thấy KMO = 0.950 > 0.5 và sig < 0.05 cho thấy dữ liệu phù hợp để tiến hành phân tích nhân tố. Phương sai trích đạt 59.045% (>50%) cho biết 5 nhân tố được rút trích ra giải thích được 59.045% biến thiên của dữ liệu. Với kết quả này, thang đo rút ra đạt yêu cầu. Bảng 3 được tổng hợp dựa trên ma trận xoay nhân tố (Rotated Component Matrix) cho thấy sự hội tụ của các biến quan sát vào các nhóm nhân tố. Chúng ta thấy các thành phần năng lực của sinh viên (NL1, NL3, NL4, NL5); môi trường nghiên cứu (MT1, MT2, MT3, MT4, MT5); Sự quan tâm khuyến khích của nhà trường (KK1, KK2, KK3, KK4, KK5); Sự hỗ trợ của giảng viên (GV1, GV2, GV3, GV4, GV5); Động cơ nghiên cứu (ĐC1, ĐC2, ĐC3, ĐC4) đều hội tụ về đúng nhân tố như đã nêu trong phần tổng hợp thang đo.

#### Kết quả phân tích hồi quy

Sau khi thực hiện kỹ thuật EFA, các biến quan sát đã hội tụ hình thành 5 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động NCKH của sinh viên Trường ĐHKTKTCN. Các biến độc lập (NL, MT, KK, GV, ĐC) và biến phụ thuộc (TG) được đưa vào mô hình để kiểm định giả thuyết bằng phương pháp Enter (đồng thời), vì giả thuyết đưa ra là năng lực của sinh viên; môi trường nghiên cứu; sự khuyến khích của

nhà trường; sự hỗ trợ của giảng viên; động cơ tham gia NCKH của sinh viên. Kết quả chạy nghiên cứu có tác động cùng chiều với sự hồi qui được trình bày trong bảng 4.

**Bảng 4. Kết quả phân tích hồi quy**

Model Summary<sup>b</sup>

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	.745 <sup>a</sup>	.601	.596	.38431	1.861

a. Predictors: (Constant), NL, MT, KK, GV, ĐC

b. Dependent Variable: TG

ANOVA<sup>a</sup>

Model	Sum of Squares	Df	Mean Square	F	Sig.
1 Regression	1017.369	5	203.474	1704.581	.000 <sup>b</sup>
Residual	253.778	2128	.119		
Total	1271.148	2131			

a. Dependent Variable: NC

a. Predictors: (Constant), NL, MT, KK, GV, ĐC

*Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu từ SPSS*

Kết quả chạy hồi qui cho thấy hệ số xác định  $R^2 = 0.601$  ( $\neq 0$ ).  $R^2$  có khuynh hướng là ước lượng lạc quan cho thước đo sự phù hợp của mô hình đối với dữ liệu trong trường hợp có hơn 1 biến giải thích trong mô hình. Ở đây chúng ta sử dụng hệ số xác định  $\text{Rad}^2 = 0.596$  để giải thích sự phù hợp của mô hình sẽ an toàn và chính xác hơn. Ở bảng ANOVA kiểm

định F cho thấy mức ý nghĩa  $\text{sig} = 0.000 < 0.05$ . Như vậy, mô hình hồi qui là phù hợp, các biến độc lập trong mô hình giải thích được 59,6 % phương sai của biến động lực học tập. Còn lại 40,4% là do sự tác động của các yếu tố khác không được đưa vào mô hình. Biến độc lập đều có  $\text{VIF} < 2$  nên đều đạt yêu cầu (bảng 5).

**Bảng 5. Bảng trọng số hồi quy**

Coefficients<sup>a</sup>

Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	T	Sig.	Collinearity Statistics	
	B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
(Constant)	.210	.049		610	.000		
NL	.532	.016	.521	33.047	.001	.378	.1643
MT	.132	.019	.131	1.749	.000	.304	1.292
KK	.016	.015	.016	.374	.000	.403	1.482
GV	.562	.017	.532	32.862	.000	.358	1.795
ĐC	.161	.015	.059	3.995	.002	.424	1.357

a. Dependent Variable: TG

*Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu từ SPSS*

Phương trình hồi quy chuẩn hóa

$$NC = 0,532GV + 0,521NL + 0,131MT + 0,059ĐC + 0,016KK + e_i$$

#### 4.4. Kiểm định các giả thuyết của mô hình

**Bảng 6. Kiểm định giả thuyết của các mô hình**

Giả thuyết	Nội dung giả thuyết	P value	Kết luận
H1	Năng lực của sinh viên có tác động tích cực đến sự tham gia NCKH của sinh viên	0.001	Chấp nhận
H2	Môi trường nghiên cứu có tác động tích cực đến sự tham gia NCKH của sinh viên	0.000	Chấp nhận
H3	Sự khuyến khích của nhà trường có tác động tích cực đến sự tham gia NCKH của sinh viên	0.000	Chấp nhận
H4	Sự hỗ trợ của giảng viên có tác động tích cực đến sự tham gia NCKH của sinh viên	0.000	Chấp nhận
H5	Động cơ nghiên cứu có tác động tích cực đến sự tham gia NCKH của sinh viên	0.002	Chấp nhận

*Nguồn: Tổng hợp từ kết quả phân tích dữ liệu SPSS*

#### 5. KẾT LUẬN

Qua kết quả nghiên cứu được trình bày ở trên, có 5 yếu tố chính tác động đến sự tham gia NCKH của sinh viên, đó là Năng lực của sinh viên, Môi trường nghiên cứu, Động cơ và Sự quan tâm khuyến khích của nhà trường. Trong đó, yếu tố Sự hỗ trợ của giảng viên có ảnh hưởng nhiều nhất, rồi đến Năng lực của sinh viên, tiếp theo là Môi trường nghiên cứu và Động cơ nghiên cứu cuối cùng mới đến Sự khuyến khích của nhà trường. Từ đó, tác giả đưa ra một số kiến nghị nhằm thúc đẩy hoạt động NCKH của sinh viên Trường Đại học KTKTCN như sau: Cần tạo ra một môi trường NCKH lý tưởng cho sinh viên. Cần kích thích, khơi gợi trong sinh viên nhu cầu ham học hỏi, khám phá, sáng tạo. Nâng cao năng lực của

sinh viên. Cần thiết phải xây dựng động cơ tham gia NCKH của sinh viên... Về phía giảng viên, bằng nội dung môn học, bằng việc sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, bằng các hoạt động khoa học trong và ngoài trường, giảng viên có thể giúp sinh viên tiếp cận với NCKH và sử dụng công nghệ thông tin vào nghiên cứu; định hướng sinh viên nghiên cứu những đề tài mang tính chất liên ngành. Tăng cường sự quan tâm và khuyến khích của nhà trường đối với hoạt động NCKH của sinh viên. Phòng Quản lý khoa học kết hợp với Đoàn trường phát động phong trào thi đua NCKH trong sinh viên. Đầu tư xây dựng hệ thống thư viện cung cấp đầy đủ cho sinh viên nguồn kiến thức và cả hệ thống máy tính nối mạng để truy cập những tài liệu cần thiết.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Kim Ngọc & Hoàng Nguyên. Nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động NCKH Sinh viên tại Đại học Duy Tân, (2015).

- [2] Quyết định 692/QĐ-ĐHKTTCN ngày 10/10/2018.
- [3] Trần Thành Ái, Cần làm gì để phát triển năng lực NCKH giáo dục. Tạp chí của Trung ương hội khuyến học Việt Nam, tr 21-25, (2015).
- [4] Ana Salgueira et al, Individual characteristics and student's engagement in scientific research: a cross-sectional study. BMC Medical Education, (2012).
- [5] Ajzen, I., Theory of Planned Behaviour. Organization Behaviour and Human Decision. Massachusetts: University of Massachusetts Amherst, (1991).
- [6] Harsh, J.A., Maltese, A.V., & Tai, R.H.A perspective of gender differences in chemistry and physics undergraduate research experiences. Journal of Chemical Education, 89(11), 1364-1370 Jacob, B. A., (2012).

---

*Thông tin liên hệ:*    **Lê Thị Bình**

Điện thoại: 0915652276 - Email: ltbinh@uneti.edu.vn

Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.



